

Bản án số: **98/2020/DS-PT**

Ngày: 22-5-2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại, công khai xin lỗi và hủy quyết định cá biệt*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Lê Tự

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Xuân Thanh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2020/TLPT-DS ngày 13/01/2020, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại, công khai xin lỗi và hủy quyết định cá biệt*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 817/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn C, sinh năm 1965; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công M, sinh năm 1962, Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Võ Kim L (G), sinh năm 1952; Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đặng Thị X, sinh năm 1964; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công M, sinh năm 1962, Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1955. Có mặt.
- Anh Võ Văn N, sinh năm 1982. Vắng mặt.
- Anh Võ Văn A, sinh năm 1983. Vắng mặt.
- Anh Võ Văn H, sinh năm 1991. Vắng mặt.
- Chị Võ Thị Hoàn M, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

- Ông Võ Văn B, sinh năm 1968; Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Văn N, Võ Văn A, Võ Văn H, chị Võ Thị Hoàn M, ông Võ Văn B là: Ông Võ Kim L (G), sinh năm 1952; Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn K, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan N A - Phó Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện ông Phan T cán bộ kế hoạch phường Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Võ Văn C cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Công M trình bày:

Theo Sổ đăng ký ruộng đất lập năm 1985 và bản đồ địa chính lập năm 1984 thì hộ ông Võ Kim L và bà Huỳnh Thị T sử dụng thửa đất thổ cư số 261, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.150m² tại thôn C, xã Đ, huyện Đ (*nay là phường Đ, thị xã Đ*), tỉnh Quảng Nam.

Năm 1997, hộ ông Võ Kim L chuyển nhượng cho ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X phân diện tích đất 300m² có chiều ngang 5m, chiều dài 60m, vị trí

phía Bắc khu vườn (*phía Điện N vô Nam*) với giá trị chuyển nhượng là 5,5 cây vàng, hai bên có lập Giấy nhượng đất ngày 16/7/1997 và Giấy nhận vàng ngày 01/5/1998.

Ngày 10/3/1998, UBND huyện (*nay là thị xã*) Đ ban hành Quyết định số 131/QĐ-UB công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Võ Kim L và bà Huỳnh Thị T với ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X với diện tích công nhận là 150m², thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3/HTX 1 của xã Đ. Vị trí đất ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X nhận chuyển nhượng: Phía Đông giáp đường 607: 5m; phía Bắc giáp mương tiêu: 40m; phía Tây giáp thửa đất màu số 23: 5m; phía Nam giáp thửa đất số 24: 40m (*bao gồm cả đất tạm giao là 50m²*).

Theo Sổ mục kê và sổ địa chính phường Đ thì hộ ông Võ Kim L kê khai đăng ký đất thổ cư tại thửa số 24, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.636 m² và được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 24/8/2001. Ông Võ Văn C kê khai đăng ký đất thổ cư tại thửa số 24a, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m².

Năm 2000, UBND huyện Đ thực hiện Dự án xây dựng mương thoát nước từ Khu công nghiệp Đ - Điện N ra sông T, thì toàn bộ thửa đất của ông Võ Văn C nằm trong phạm vi thu hồi, nhưng thực tế khi thi công không bị thu hồi diện tích đất nào.

Năm 2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ cùng với các cơ quan liên quan đã tiến hành cưỡng chế phần đất ông Võ Kim L chiếm dụng của ông Võ Văn C, giao phần đất cưỡng chế cho UBND xã Đ quản lý và lập thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Võ Văn C. Ngày 09/9/2008, ông Võ Văn C được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ (*vào sổ cấp giấy CNQSD đất: H0162/QSDĐ*) đối với thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 03, diện tích 200m², tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2014, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng tuyến đường ĐT607 đoạn qua xã Đ, huyện Đ, hộ ông Võ Văn C bị thu hồi diện tích 41,5 m² tại thửa đất số 24a theo Quyết định thu hồi đất số 3932/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND huyện Đ. Thực tế vợ chồng ông Võ Văn C chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nào từ việc thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng mương thoát nước từ Khu công nghiệp Đ “Điện N ra sông T nhưng có nhận 02 đợt tiền bồi thường khi thu hồi diện tích 41m² thực hiện Dự án mở rộng tuyến đường ĐT 607 đoạn qua xã Đ.

Nay ông Võ Văn C cho rằng ông Võ Kim L chiếm dụng diện tích đất ông

Võ Văn C được cấp GCNQSDĐ còn lại sau khi thu hồi làm đường ĐT 607 nên nguyên đơn ông Võ Văn C yêu cầu ông Võ Kim L phải trả lại diện tích đất tranh chấp 158,5m² thuộc thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 03 tại khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho ông.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Võ Kim L trình bày:

Hộ ông được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 24/8/2001 tại thửa số 24, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.636m². Thửa đất số 24 của hộ ông bị thu hồi diện tích 95,5m² khi thực hiện Dự án xây dựng mương thoát nước từ Khu công nghiệp Đ - Điện N ra sông T, thu hồi diện tích đất 358,4m² khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng tuyến đường ĐT 607 đoạn qua xã Đ và để lại diện tích 100 m² chuyển nhượng trước đây cho ông Võ Văn C. Như vậy, thửa đất số 24 của hộ gia đình ông còn lại diện tích là 2.127m².

Thực tế ông không chiếm dụng đất của ông Võ Văn C nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C. Ngược lại, ông có đơn phản tố yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện (*nay là thị xã*) Đ cấp cho ông Võ Văn C ngày 09/9/2008 đối với thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 03, diện tích 200 m² tại khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; yêu cầu ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X công khai xin lỗi gia đình ông về hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín trên các phương tiện truyền thông, báo chí (*đăng báo Trung ương 05 số liên tiếp*) vì đã khiêu nại, khởi kiện cho rằng ông lấn chiếm đất là không có căn cứ và buộc ông Võ Văn C và UBND thị xã Đ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông với số tiền 366.393.000 đồng do UBND thị xã Đ tổ chức cưỡng chế trái pháp luật, đập phá tài sản của ông để giao đất cho ông Võ Văn C. Với lý do ông Võ Văn C khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất không có cơ sở pháp lý và việc UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho ông Võ Văn C đối với thửa đất số 24a là chồng lấn lên vị trí thửa đất số 24 của hộ ông Võ Kim L.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Võ Kim L và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn K trình bày:

Năm 1998, hộ ông Võ Kim L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 300m² (*chiều rộng 5m, chiều dài 60m*) theo Giấy nhượng đất ngày 14/10/1998 có vị trí: phía Đông giáp tỉnh lộ Đà Nẵng đi H; phía Nam giáp vườn ông Đ; phía Tây đến biên giới bờ đất bà Phạm Thị B; phía Bắc giáp đất còn lại trong vườn ông L.

Sau đó, bà Nguyễn Thị T được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 06/6/2003 đối với thửa số 24b, tờ bản đồ số 3, diện tích 300m², nhưng sau đó UBND huyện Đ thu hồi GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị T tại Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 07/6/2007 với lý do việc chuyển nhượng đất giữa hộ ông Võ Kim L và hộ bà Nguyễn Thị T không thông qua cấp có thẩm quyền công nhận, khu đất ở của hộ bà Nguyễn Thị T không thể hiện trong sơ đồ địa chính hiện đang quản lý và sử dụng (*không có tên trong sổ địa chính, sổ mục kê và trong bản đồ*). Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng tuyến đường ĐT 607 đoạn qua xã Đ, huyện Đ thì hộ bà Nguyễn Thị T bị thu hồi diện tích 45,2m² tại thửa đất số 24b theo Quyết định thu hồi đất số 3932/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND huyện Đ.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án người đại diện Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày:

Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Võ Văn C là đúng quy định của pháp luật trên cơ sở thực tế chuyển nhượng và Quyết định số 131/QĐ-UB ngày 10/3/1998 của UBND huyện (*nay là thị xã*) Đ về việc công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Võ Kim L và bà Huỳnh Thị T với ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án người đại diện Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam trình bày:

Việc lập thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông Võ Văn C năm 2008 được thực hiện theo nội dung chỉ đạo của UBND huyện Đ tại Công văn số 06 ngày 04/01/2006 về việc yêu cầu bàn giao mặt bằng sau khi cưỡng chế cho ông Võ Văn C, trên cơ sở công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Võ Kim L và bà Huỳnh Thị T với ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X tại Quyết định số 131/QĐ-UB ngày 10/3/1998 của UBND huyện Đ. Việc ông Võ Kim L yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện (*nay là thị xã*) Đ cấp cho ông Võ Văn C ngày 09/9/2008 đối với thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 03, diện tích 200m² tại khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là không có cơ sở.

Với nội dung đã xác định nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng các Điều 149 và Điều 588 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 34, 37, khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 14, khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” của ông Võ Văn C về việc: Buộc ông Võ Kim L phải trả lại diện tích đất tranh chấp 158,5 m² thuộc thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 03 tại khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X phải trả cho ông Phạm Văn T số tiền là 17.608.800 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm không tám nghìn tám trăm đồng*). Ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản của ông Phạm Văn T hiện có trên diện tích đất 151,3 m² của thửa đất số 24a thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X.

Chấp nhận một phần yêu cầu về việc “*Yêu cầu hủy quyết định cá biệt*” của ông Võ Kim L: Hủy một phần GCNQSDĐ do UBND huyện (*nay là thị xã*) Đ cấp cho ông Võ Văn C ngày 09/9/2008 đối với thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 03, diện tích 200m² (*đã bị thu hồi còn lại diện tích 158,5m²*) tại khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam đối với phần diện tích đất 7,2m². (*Tất cả có sơ đồ, bản vẽ kèm theo*)

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Kim L về việc buộc ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X công khai xin lỗi gia đình ông Võ Kim L.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Võ Kim L về việc buộc ông Võ Văn C và UBND thị xã Đ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Võ Kim L với số tiền 366.393.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2009 ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X kháng cáo, nội dung kháng cáo ông C bà X cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không xác định rõ phần diện tích đất ông L, bà X chuyển nhượng cho ông C,

Bản án sơ thẩm đã tuyên hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho ông C là không đúng, Tòa án chưa làm rõ phần đất sau khi xây dựng bờ mương thoát nước còn lại bao nhiêu? Thời điểm cấp lại GCNQSDĐ cho ông C, bà X UBND thị xã Đ đã cắm mốc, vợ chồng ông C đã xây dựng tường rào xác định ranh giới giữa hai thửa đất của ông C với ông L và Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

Ngày 09/10/2019 ông Võ Kim L có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo ông L cho rằng UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp GCNQSDĐ số H0162 ngày 09/9/2008 cho ông C là không đúng pháp luật, ông còn chiếm giữ 200m² đất tại phần có móng nhà của ông L bị cưỡng chế ngày 11/12/2007 là trái pháp luật, ông C xây bức tường gạch trên thửa đất 24 tờ bản đồ số 3 chưa tháo dỡ, ông C, bà X có nhiều đơn thư xúc phạm gia đình ông L, việc UBND huyện Đ cưỡng chế ngày 11/12/2007 tháo dỡ tài sản, thu giữ tài sản của ông L là trái pháp luật đến nay chưa giải quyết trả lại, nay ông L yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông C vào năm 2008 buộc ông C trả lại 200m² đất buộc ông C bồi thường tiền do chiếm giữ đất mỗi tháng 5.000.000 đồng. Buộc ông C, bà X xin lỗi công khai, buộc ông C, bà X và UBND thị xã Đ bồi thường tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc số tiền 707.372.500 đồng. Yêu cầu chủ tịch UBND thị xã Đ hủy các quyết định hành chính, cưỡng chế hành chính buộc UBND thị xã Đ công khai xin lỗi, hoàn trả tài sản thu giữ trong quá trình cưỡng chế vào năm 2007.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông Võ Văn C, bà Đặng Thị X, ông Võ Kim L đều giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông C, bà X và ông Võ Kim L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Nguồn gốc và vị trí thửa đất có tranh chấp: theo hồ sơ vụ án thể hiện, vào năm 1997 ông C, bà X đã nhận chuyển nhượng của ông L 300m², đất kích thước 5m x 60m, vị trí tại thôn C, xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, thị xã Đ), tỉnh Quảng Nam, với giá là 5,5 cây vàng, hai bên có viết giấy chuyển nhượng vào ngày 16/7/1967. Đến ngày 10/3/1998 UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) có Quyết định số 131/QĐ-UB công nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà X diện tích 200m² kích thước 40m x 5m, tứ cận Đông giáp đường 607, Tây giáp đất màu của ông L có chiều rộng 5m, Nam giáp thửa đất 24 của ông L, Bắc giáp mương tiêu có chiều dài 40m. Năm 2000 UBND huyện Đ thu hồi thửa đất của ông C để thực hiện dự án xây dựng mương thoát nước từ khu công nghiệp Đ – Điện N ra sông T. Khi thu hồi đất ông C, bà X chưa nhận tiền bồi thường. Sau khi thực hiện thi công xong mương thoát nước thì thửa đất 24a của ông C, bà X theo UBND huyện Đ cho rằng không ảnh hưởng, phần đất của ông C, bà X bị ông Võ Kim L lấn chiếm nên UBND huyện Đ lập hồ sơ vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất của ông L và tiến hành cưỡng chế. Sau khi cưỡng chế thì UBND huyện Đ cấm mốc, yêu cầu ông C xây dựng tường rào và cấp GCNQSDĐ số AL158337 ngày 09/9/2008 cho ông C, bà X. Ông C, bà X cho rằng thửa đất số 24a UBND huyện Đ giao và cấp Giấy chứng nhận cho mình đã bị ông L chiếm nên khởi kiện đòi lại. Đối với ông Võ Kim L thì cho rằng mình không lấn chiếm gì đất của ông C, bà X, UBND huyện Đ xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế trái pháp luật, cấp lại GCNQSDĐ cho ông C, bà X không đúng và liên tục có nhiều đơn khiếu nại đến nhiều cấp, nhiều ngành. Xét thấy: Vị trí đất tranh chấp có nhiều mâu thuẫn nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ, cụ thể: căn cứ theo Quyết định 131/QĐ-UB, GCNQSDĐ giữa ông L với vợ chồng ông C, cũng như sơ đồ, bản đồ vào thời điểm năm 1998 thể hiện thửa đất của ông C phía Bắc tiếp giáp với con mương dài 40m, chiều rộng giáp đường 607 là 5m, phía sau giáp đất của ông L là 5m. Năm 2000 UBND huyện Đ thu hồi thửa đất 24a của ông C, bà X để làm mương thoát nước nhưng quá trình thi công mương thoát nước có ảnh hưởng thửa đất 24a diện tích bao nhiêu chưa được xác định, làm rõ. Sau khi thi công công trình mương thoát nước Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ có nhiều báo cáo khẳng định không thể cấp lại quyền sử dụng đất cho ông C, bà X tại vị trí này. Theo kết quả thẩm định ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, cũng như bản trích đo thửa đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ cũng cấp thể hiện có phần đất tiếp giáp mương nước có diện tích hơn 173m² rồi mới đến thửa 24a của ông C, bà X,

chiều rộng mương nước trước khi thực hiện dự án là bao nhiêu, sau khi thực hiện dự án là bao nhiêu không xác định, sau khi thi công theo hồ sơ thể hiện mương nước có chiều rộng 3,5m (theo sơ đồ) còn theo lời khai thì không xác định rõ. Tuy nhiên theo hồ sơ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì thửa đất 24a của ông C, bà X vị trí thửa đất tranh chấp còn lại 151,3m² tiếp giáp với mương nước. Mặt khác, năm 2008 UBND tiến hành cưỡng chế đối với ông L để giao đất và cấp lại GCNQSDĐ số AL158337 ngày 09/9/2008 cho ông C, bà X, ông C đã xây dựng một số đoạn tường rào, hiện vẫn còn trên hiện trạng đất tranh chấp, nhưng tại biên bản thẩm định không đo vẽ xác định các vật kiến trúc (tường rào) để có cơ sở xác định vị trí đất tranh chấp.

[2]. Xem xét trình bày và kháng cáo của ông Võ Kim L liên quan đến vị trí thửa đất tranh chấp, xét thấy: UBND thị xã Đ cho rằng ông L lấn chiếm thửa đất 24a (thu hồi của ông C, bà X) nhưng không xác định rõ lấn chiếm diện tích bao nhiêu. Việc tiến hành cưỡng chế có đúng trên diện tích thửa đất số 24a hay không (theo bản ảnh thì việc tiến hành cưỡng chế trên diện tích cách mương thoát nước 5m). Sau khi cưỡng chế, trong lúc ông Võ Kim L liên tục khiếu nại việc cưỡng chế, chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo đúng quy định pháp luật, nhưng UBND huyện Đ lại cấp GCNQSDĐ cho ông C bà X là không đúng pháp luật. Ông L cho rằng thửa đất 24a của ông C, bà X là phần đất tiếp giáp con mương thoát nước, nhưng việc UBND huyện Đ cưỡng chế và cấp Giấy chứng nhận cho ông C, bà X là phần đất thuộc thửa 24 của ông L, nhưng quá trình thu thập, xác minh Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, làm rõ để xác định thửa đất 24a của ông C, bà X trước đây và sau khi được cấp lại năm 2008 có phải là một thửa đất hay không.

[3]. Tại các văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai tại thị xã Đ trả lời Tòa án không có đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Tòa án, những tài liệu đã cung cấp không xác định chính xác vị trí thửa đất 24a theo giấy chứng nhận nằm ở vị trí nào trên hiện trạng. Theo hồ sơ tài liệu do các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai thì diện tích đất của ông Võ Kim L tại thửa số 24, 24a, 24B tờ bản đồ số 38 có đến 8 số liệu khác nhau, chênh lệch rất lớn so với GCNQSDĐ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tổ chức đối chất để làm rõ.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện trên thửa đất tranh chấp có tài sản của ông Phạm Văn T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa ông T vào tham gia tố tụng, không lấy lời khai của ông T nhưng buộc ông L phải trả cho ông T 17.608.800 đồng và ông C, bà X được sở hữu tài sản trên đất là chưa có cơ sở. Ngoài ra, trên đất có tài sản của ông Võ Văn B, tuy có đưa ông B vào tham gia tố tụng và ông B có ủy quyền cho ông Võ Kim L tham gia tố tụng, nhưng cần phải tiến hành lấy lời khai của ông B để làm rõ về các tài sản và yêu cầu của ông B.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng: Như đã phân tích nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định chính xác thửa đất 24a UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AL958337 ngày 09/9/2008 cho ông C, bà X tại vị trí nào (vị trí tiếp giáp mương nước hay vị trí cưỡng chế buộc ông C xây dựng một số đoạn tường rào) nhưng tại Bản án buộc ông C, bà X phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là chưa có cơ sở.

Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất, các đương sự yêu cầu Tòa án xác định ai là người có quyền sử dụng đất, do vậy theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì trường hợp tranh chấp sử dụng đất giữa ông C, bà X với ông L thuộc trường hợp vụ án không có giá ngạch nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các đương sự chịu án phí theo vụ án có giá ngạch là không đúng quy định của pháp luật.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã thu thập chứng cứ không đầy đủ, xác định thửa đất tranh chấp chưa chính xác, việc đánh giá chứng cứ còn nhiều mâu thuẫn, về tố tụng còn bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và áp dụng pháp luật không đúng. Nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C, bà Đặng Thị X và kháng cáo của ông Võ Kim L hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng các quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên những người kháng cáo ông C, bà X và ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự
Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C, bà Đặng Thị X và kháng cáo của ông Võ Kim L. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Khoản 3, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, trả lại 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000378 ngày 23/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam cho ông C, bà X.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi